

Bản án số 25/2017/HNGĐ-ST
Ngày 10/10/2017
V/v Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y-TỈNH NINH BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Cương.
- Ông Vũ Văn Chiến.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Diệm, Kiểm sát viên.

Ngày 10/10/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 95/2017/TLST-HNGĐ ngày 31/7/2017 về việc “Ly hôn và tranh chấp việc nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2017/QĐXX-ST ngày 23/08/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2017/QĐXX-ST ngày 15/09/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H sinh năm 1990; địa chỉ xóm 9, xã C, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ sinh năm 1986; địa chỉ xóm 9, xã C, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27/7/2017 được bổ sung tại bản tự khai ngày 11/8/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị H trình bày: Chị H và anh Đ kết hôn với nhau vào ngày 11/12/2009, do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình, thường xuyên chơi bời rượu chè về đánh đập xúc phạm vợ con và gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; từ năm 2015 cho đến nay vợ chồng sống ly thân nhau; nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị H xin được ly hôn với anh Đ. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Tiến N sinh ngày 19/7/2013; nếu ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H, chị H cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống và học tập cho cháu N. Về tài sản chung, vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Đối với anh Đ, Tòa án đã giao “thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải” hợp lệ cho anh Đ nhiều lần, anh Đ có đến Tòa án án nhưng không viết bản tự khai ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H để nộp cho Tòa án và cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không có lời khai của anh Đ trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật; nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Xử cho chị H và anh Đ ly hôn, giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng, giáo dục; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H và buộc chị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

Chị H khởi kiện “Xin ly hôn và tranh chấp việc nuôi con” với đối anh Đ, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc khởi kiện của chị H là đúng. Theo bản sao sổ hộ khẩu gia đình thể hiện cả chị H và anh Đ đều có hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Đ, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Đ.

Về yêu cầu ly hôn: Theo chị H khai vợ chồng kết hôn với nhau là do hai bên tự nguyện, tại bản sao trích lục kết hôn của Ủy ban nhân dân xã C thể hiện chị H và anh Đ đăng ký kết hôn ngày 11/12/2009. Như vậy, tại thời điểm kết hôn anh Đ đã 23 tuổi, chị H đã 19 tuổi; theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình thì hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hợp pháp.

Về lý do ly hôn: Theo chị H trình bày, sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ không quan tâm đến gia đình, thường xuyên chơi bời rượu chè về đánh đập xúc phạm vợ con và gia đình, từ năm 2015 cho đến nay vợ chồng sống ly thân; tại đơn xin thuận tình ly hôn đề tháng 10/2016 có chữ ký của chị H và chữ ký của anh Đ, nội dung đơn thể hiện “đời sống chung không thể hòa hợp, nay làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết ly hôn cho chúng tôi”. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ

chồng giữa chị H và anh Đ đã kéo dài nhiều năm; việc vợ chồng đang sống ly thân 02 năm nay và việc anh Đ không đến Tòa án để tiến hành hòa giải, cũng đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án cho xử chị H và anh Đ ly hôn.

Về con chung: Theo lời khai của chị H, bản sao sổ hộ khẩu gia đình, biên bản xác minh của Tòa án ngày 15/8/2017 và bản sao giấy khai sinh, thì vợ chồng chị H và anh Đ có 01 con chung là cháu Phạm Tiến N sinh ngày 19/7/2013; nguyện vọng của chị H là được trực tiếp nuôi cháu N và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét cháu N tuổi còn nhỏ, hiện tại đang sống với chị H, việc giao cháu N cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp; điều này cũng phù hợp với quan điểm của Hội phụ nữ xã C là “nên giao cháu N cho mẹ nuôi dưỡng”. Do vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N trưởng thành, do chị H không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con và chị H cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cháu N, nên Tòa án không buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

Về tài sản chung: Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì. Nếu sau này anh Đ có yêu cầu Tòa án giải quyết về sản chung của vợ chồng, thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết thành vụ án riêng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1 Về yêu cầu ly hôn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị H, cho chị Phạm Thị H và anh Phạm Văn Đ ly hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2 Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị H, giao cháu Phạm Tiến N sinh ngày 19/7/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N trưởng thành; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

Anh Đ có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu N được sống chung với chị H và anh Đ có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu N; chị H không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc cháu N.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng, theo

biên lại thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0001647 ngày 28/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị H đã nộp đủ án phí ly hôn.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Văn Lực